

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 34/2019/DS-PT

Ngày: 30-10-2019

V/v: Yêu cầu bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được

Ông Hàng Lâm Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuột - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Đ, sinh năm: 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Công ty P;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn H – Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1, sinh năm: 1975 (vắng mặt);

3.2. NLQ2, sinh năm: 1977 (vắng mặt);

3.3. NLQ3, sinh năm: 1979 (vắng mặt);

3.4. NLQ4, sinh năm: 1974 (vắng mặt);

3.5. NLQ5, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5: Bà Trương Thị Đ, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện S, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Trương Thị Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2016 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Đ trình bày:

Năm 1990, vợ chồng bà xây dựng căn nhà cấp 4A, có diện tích 155,62m² tại thôn P, xã L, huyện S. Năm 2012, Công ty P nổ mìn thực hiện dự án thủy điện đã làm ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà của bà như nứt tường, rách mái tôn, hư hỏng sàn gác lửng nhà bà. Việc Công ty P nổ mìn làm ảnh hưởng đến kết cấu của nhà bà, bà có đến báo với ông C (giám đốc Công ty) và được ông C cho người đến cùng Ủy ban nhân dân (UBND) xã L kiểm tra, lập biên bản và hứa cam kết sẽ bồi thường cho bà thỏa đáng. Năm 2014, Công ty đưa bảng giá chi phí sửa chữa và hỗ trợ 20.895.000 đồng, bà không đồng ý vì bà cho rằng không thỏa đáng, qua thỏa thuận Công ty tăng lên chi phí sửa chữa 30.000.000 đồng bà không đồng ý, với chi phí thẩm định lần hai là 36.047.039 đồng bà cũng không đồng ý vì theo bà số tiền trên không đủ chi phí sửa chữa, vì vậy bà khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu Công ty xây dựng cho bà căn nhà mới với diện tích 1/2 căn nhà cũ.

Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty P trình bày:

Công ty P là đơn vị chủ đầu tư dự án thủy điện Hạ Sông Pha. Trong quá trình thực hiện dự án, Công ty đã hợp đồng với Công ty xây dựng T thực hiện việc nổ mìn

và Công ty xây dựng T đã được UBND tỉnh Ninh Thuận cấp giấy phép vật liệu nổ và được phép thực hiện nổ mìn thi công xây dựng nhà máy thủy điện Hạ Sông Pha. Quá trình thực hiện việc nổ mìn, Công ty xây dựng T đã tuân thủ đúng quy định của cơ quan có thẩm quyền về việc nổ mìn, nhà bà Đ nằm trong bán kính 200m có thể bị ảnh hưởng dư chấn từ việc nổ mìn của Công ty T, tuy nhiên cũng không có căn cứ khẳng định chắc chắn việc nứt nhà bà Đ là do việc nổ mìn của Công ty. Tại thời điểm nổ mìn, bà Đ có yêu cầu Công ty bồi thường việc nứt tường nhà cũng như các mái tôn bị đá văng làm thủng, qua xem xét Công ty và đơn vị thi công đã thương thảo với bà Đ hỗ trợ 20.895.000 đồng trên cơ sở biên bản xác minh hiện trạng nhà của đoàn kiểm kê vết nứt của căn nhà nhưng bà Đ không đồng ý và yêu cầu bồi thường 80.000.000 đồng nên Công ty không đồng ý. Trong phạm vi bán kính có thể ảnh hưởng 200m có 243 hộ, có 242 hộ đã nhận tiền nhà thầu chi trả, chỉ có hộ bà Đ nhiều lần thương thảo vẫn không đồng ý nên Công ty yêu cầu Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 157 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ.

Buộc Công ty P phải bồi thường cho bà Trương Thị Đ số tiền 36.047.037 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí định giá, quyền và nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/4/2019, bà Trương Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án số 04/2019/DS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận buộc Công ty P bồi thường thiệt hại gây ra đối với căn nhà cấp 4 diện tích 115,62m², nhà tắm diện tích 3m² và tầng gác diện tích 91,3m² cho bà Trương Thị Đ hoặc xây lại nhà cho bà Trương Thị Đ theo biên bản kiểm kê, đánh giá ngày 28/11/2013. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà Đ xác định yêu cầu kháng cáo cụ thể: Yêu cầu Công ty P phải bồi thường cho bà số tiền là 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trương Thị Đ. Buộc Công ty P phải bồi thường cho bà Trương Thị Đ 67.540.000 đồng.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Công ty P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty P.

[1.2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2019 thể hiện căn nhà cấp 4 là do vợ chồng bà Trương Thị Đ xây dựng vào năm 1990. Năm 2008, chồng bà Trương Thị Đ là ông Phan Văn T chết không để lại di chúc, vợ chồng bà Đ sinh được 05 người con, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và đưa 03 người con của vợ chồng ông Đ là NLQ1, NLQ2, NLQ3 vào tham gia tố tụng nhưng không đưa 02 người con còn lại là NLQ4, NLQ5 tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm NLQ4, NLQ5 đã ủy quyền cho bà Đ tham gia tố tụng và không có ý kiến khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Công ty P là đơn vị chủ đầu tư đối với dự án thủy điện Hạ Sông Pha, Công ty xây dựng T là đơn vị ký hợp đồng thi công với Công ty P để thực hiện việc nổ mìn trong quá trình thực hiện dự án vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa Công ty xây dựng T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bà Trương Thị Đ về việc yêu cầu Công ty P phải bồi thường cho bà số tiền 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 03/7/2012 (BL 06), biên bản kiểm kê, đánh giá số 123/BB-ĐKK-ĐG ngày 28/11/2013 (BL 02), Công văn số 24/2019/CV-TĐ ngày 25/3/2019 của Công ty xây dựng T (BL 191) và Công văn số 473/SCT-CN ngày 27/3/2019 của Sở A tỉnh Ninh Thuận (BL 197), Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty P là chủ thể có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Trương Thị Đ là phù hợp.

Căn cứ vào Biên bản định giá ngày 30/3/2017 (BL 42) và Bảng tổng hợp kinh phí của Công ty X (BL 47), Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị thiệt hại của căn nhà là 36.047.039 đồng và buộc Công ty P bồi thường cho bà Đ số tiền 36.047.039 đồng là đúng. Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu định giá trong giai đoạn phúc thẩm của bà Trương Thị Đ, Tòa án cấp phúc thẩm đã mời Công ty V thực hiện việc định giá tài sản thiệt hại. Tại chứng thư thẩm định giá số 9019-06-CT-BTCVALUE của Công ty V đã xác định việc áp dụng tính khấu hao của căn nhà theo phương pháp tuổi đời là thiệt thòi cho bà Đ, vì thực tế hiện nay căn nhà này vẫn còn giá trị sử dụng nên Tổ chức thẩm định giá áp dụng phương pháp chuyên gia để xác định tỷ lệ hao mòn từ thời điểm nổ mìn lần đầu tháng 5/2012 đến thời điểm thẩm định giá tháng 9/2019 và tính giá trị tài sản bị thiệt hại là 67.540.000 đồng là phù hợp thực tế. Do đó, có căn cứ để buộc Công ty P bồi thường cho bà Trương Thị Đ số tiền 67.540.000 đồng.

Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Đ; Chấp nhận quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về chi phí định giá tài sản và án phí:

Về chi phí định giá tài sản: Công ty P phải chịu 10.122.000 đồng. Công ty P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trương Thị Đ 10.122.000 đồng.

Về án phí:

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

Công ty P phải chịu 3.377.000 đồng (cách tính: 67.540.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trương Thị Đ; Sửa bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào các điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 147, 148, 165, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ.

Buộc Công ty P phải bồi thường cho bà Trương Thị Đ số tiền 67.540.000 đồng.

Về chi phí định giá tài sản: Công ty P phải chịu 10.122.000 đồng chi phí định giá tài sản. Công ty P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trương Thị Đ 10.122.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

Bà Trương Thị Đ không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Đ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0012256 ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Công ty P phải chịu 3.377.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 30/10/2019)/.

Nơi nhận:

- Đương sự (7);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện S (1);
- Chi cục THADS huyện S (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Diệu